TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày 27-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B, địa chỉ: LPB Tower, đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Cảnh D – chức vụ: Tổ trưởng Tổ khách hàng Ngân hàng B Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch L, địa chỉ: Ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo Quyết định ủy quyền số 725/2023/QĐ-LienVietPostBank.ST ngày 15/6/2023 của Giám đốc chi nhánh Sóc Trăng) (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1976 và ông Trần Quốc T, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2023 cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T vay vốn tại Ngân hàng B – phòng giao dịch Long Phú, địa chỉ: đường Đ, Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202000003 ký ngày 02/01/2020, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 48 tháng. Phương thức cho vay: Từng lần. Kỳ hạn trả gốc: Trả hàng tháng vào ngày 20, trả 48 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền đều nhau theo phương thức gốc + lãi chia đều các kỳ. Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình. Lãi suất: 12,00%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo tổng dư nợ gốc ban đầu. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả: 10,00%/năm. Tài sản bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng B và phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD57D202000003 ký ngày 02/01/2020 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2023 là: 63.675.666 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, sáu trăm bày mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Số dư nợ: 35.426.000 đồng; lãi trong hạn 16.978.883đồng; lãi chậm trả gốc 8.901.960 đồng và lãi chậm trả lãi 2.368.823 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T phải chịu lãi suất quá hạn, các loại phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay theo hợp đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C và ông T, nhưng ông bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 27/12/2023 với số tiền

63.675.666 đồng (trong đó nợ gốc là 35.426.000 đồng, lãi trong hạn 16.978.883 đồng, lãi chậm trả gốc là 8.901.960 đồng, lãi chậm trả lãi là 2.368.823 đồng) tính đến ngày 27/12/2023 và còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc theo hợp đồng từ ngày 28/12/2023 cho đến ngày trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C, ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng B yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T có trách nhiệm thanh toán số tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2023 là: 63.675.666 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, sáu trăm bày mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Số dư nợ: 35.426.000 đồng; lãi trong hạn 16.978.883đồng; lãi chậm trả gốc 8.901.960 đồng và lãi chậm trả lãi 2.368.823 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng B có cung cấp các Bản sao Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án nợ (Bút lục 08, 09, 10, 11, 12, 13) thể hiện chữ ký của bà C và ông T ở bên vay. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật, đồng thời quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà C và ông T biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà C và ông T không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà C và ông T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Trong quá trình vay, bà C và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 14.574.000 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông T thực hiện việc thanh toán, nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Do vậy, việc bà C và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà C và ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn C và ông T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 35.426.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn) đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm.

Xét thấy mức lãi suất các lãi suất bên thỏa thuận trong trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi và phí trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên bà C và ông T phải có nghĩa vụ trả lãi và phí cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng B dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền 35.426.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, tiền lãi tính đến 27/12/2023 lãi trong hạn 16.978.883 đồng; lãi chậm trả gốc 8.901.960 đồng và lãi chậm trả lãi 2.368.823 đồng và lãi phát sinh cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T phải chịu 3.183.783 (Ba triệu, một trăm tám mươi ba ngàn, bảy trăm tám mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày xét xử vớ số tiền vốn lãi là 63.675.666 (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng; trong đó vốn gốc 35.426.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn) đồng, tiền lãi tính đến 27/12/2023: Lãi trong hạn: 16.978.883 đồng; lãi chậm trả gốc là:

8.901.960 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.368.823 đồng và bà C, ông T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 28/12/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Quốc T phải chịu 3.183.783 (Ba triệu, một trăm tám mươi ba ngàn, bảy trăm tám mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.367.538 (Một triệu, ba trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi tám đồng đồng) theo biên lai thu số 0010195 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà